

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 75/2024/HS-ST  
Ngày: 09-7-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Tuấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Thu Hoài**; Ông **Vũ Xuân Kiều**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Đức Bình** - *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.*

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Thế Nghị** - *Kiểm sát viên.*

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HS ngày 25/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Văn D** (*tên gọi khác: không có*); sinh ngày 03/11/1982 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn K, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trịnh Văn N** (đã chết) và bà **Đỗ Thị H**; có vợ là **Nguyễn Thị N1** và có 03 con; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** anh **Đỗ Văn T**, sinh ngày 07/01/1979 (đã chết). Đại diện theo ủy quyền: bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn K, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Công ty TNHH D2; địa chỉ: Cụm C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Duy T1 – Giám đốc hành chính nhân sự, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Công ty cổ phần T8; địa chỉ: số A đường H, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Huy H1 – Giám đốc, có mặt tại phiên tòa.

+ Công ty cổ phần X; địa chỉ: số E P, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Quang K – Giám đốc, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Công ty TNHH P2; địa chỉ: số nhà A ngõ E đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Văn H2 – Giám đốc, có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Bùi Hiệp H3, sinh năm 1980; địa chỉ: khu A, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Bùi Quang T2, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Ông Cao Việt B, sinh năm 1993; địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Ông Phạm Trung H4, sinh năm 1995; địa chỉ: khu A, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

+ Ông Hoàng Văn T3, sinh năm 1981; địa chỉ: số nhà E Đ, khu H, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Anh Ngân Văn Q, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Lò Văn S, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

+ Anh Lò Văn T4, sinh năm 2004; địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

+ Anh Trịnh Văn H5, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn K, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Siêu Văn H6, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Siêu Văn T5, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Siêu Văn N2, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Siêu Văn T6, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

*Tất cả những người làm chứng vắng mặt không có lý do.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH D2, do anh Trần Thiên P làm giám đốc, được thành lập từ ngày 02/06/2022 và được cấp phép xây dựng nhà máy sản xuất tại cụm C, thành phố C.

Ngày 15/12/2022, Công ty TNHH D2, ký hợp đồng, thuê Công ty cổ phần T8, do anh Nguyễn Huy H1 làm giám đốc (địa chỉ công ty tại số A đường H, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương) thi công công trình nhà xưởng của Công ty TNHH D2, gồm các hạng mục: xưởng sản xuất A, xưởng sản xuất B, nhà văn phòng, nhà Bảo vệ số 1, khu nước thải, mái che và nhà cầu, công tường rào, phần cấp thoát nước, hệ thống tiếp địa và chống sét. Theo quy định trong hợp đồng, thì Công ty cổ phần T8 phải tuân theo quy định vệ sinh an toàn lao động, hoàn toàn chịu trách nhiệm về vấn đề an toàn công trình, cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tất cả cán bộ, công nhân làm việc đã được tập huấn an toàn lao động. Công ty TNHH D2 đã bổ nhiệm, giao cho anh Trần Thiên P là đại diện của Công ty phối hợp với bên đại diện của Công ty cổ phần T8 để quản lý công trình. Thời gian thi công từ ngày 23/8/2023 đến ngày 31/12/2023.

Ngày 10/8/2023, Công ty TNHH D2, ký hợp đồng, thuê Công ty cổ phần X, do anh Đỗ Quang K làm giám đốc (địa chỉ công ty tại số E P, phường H, thành phố H) tư vấn giám sát và quản lý dự án thi công xây dựng công trình xây dựng nhà máy sản xuất của công ty TNHH D2. Công ty cổ phần X Kiến Hưng quyết định bổ nhiệm, phân công, trong đó bổ nhiệm anh Bùi Hiệp H3 tư vấn giám sát trưởng, phụ trách chung và anh Bùi Quang T2 là giám sát viên, giám sát xây dựng công trình.

Công ty cổ phần T8 ký Hợp đồng giao khoán với Công ty TNHH P2 do anh Trịnh Văn H2 làm giám đốc (địa chỉ Công ty tại số nhà A ngõ E, đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình) về đơn giá nhân công trong thực hiện công việc cốt pha cho tất cả các cấu kiện, cốt thép các loại và công nhật theo yêu cầu của Ban chỉ huy (trong đó đơn giá nhân công cốt pha là 95.000 đồng/m<sup>2</sup>). Theo Hợp đồng thì Công ty TNHH P2 có trách nhiệm bắc giáo thi công cho phần việc của mình đảm bảo an toàn, chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn lao động và sức khỏe, đời sống, sinh hoạt của toàn bộ công nhân trong công ty, chấp hành nội quy dự án và nội quy an toàn lao động. Công ty cổ phần T9 vận và xây dựng Kiến P1 quyết định thành lập ban chỉ huy công trường, trong đó giao cho anh Hoàng Văn T3 làm chỉ huy trưởng công trường, phụ trách an toàn lao động.

Ngày 01/7/2023, Công ty TNHH P2 ký Hợp đồng giao khoán nhân công thi công công trình với anh Trịnh Văn D (em trai của anh Trịnh Văn H2), nội dung công việc: Công ty TNHH P2 giao, anh Trần Văn D1 phần nhân công gia công lắp dựng ván khuôn cốppha tất cả các hạng mục công trình xây dựng: nhà máy sản xuất của công ty TNHH D2 (với đơn giá nhân công cốt pha là 85.000 đồng/m<sup>2</sup>). Theo Hợp đồng thì anh Trịnh Văn D phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về trật tự, an toàn của toàn bộ công nhân trong đội của mình trong quá trình thi công. Nếu để xảy ra mất an toàn mà làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của công nhân trong tổ cũng như những cán bộ, công nhân trong dự án thì anh D phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Để thực hiện công việc theo hợp đồng, anh Trịnh Văn D hợp đồng miệng, không bằng văn bản thuê các công nhân anh Đỗ Văn T (sinh năm 1979, trú tại xã

D, huyện H, tỉnh Thái Bình), anh Siêu Văn T5, Siêu Văn N2, Siêu Văn T6, Siêu Văn H6 và một số công nhân khác làm công việc lắp ghép, tháo dỡ cốt pha công trình, trả công từ 300.000 đồng - 350.000 đồng/1 ngày. Anh D là người bố trí ăn ở, trực tiếp phân công công việc hàng ngày cho các công nhân, các công nhân đều được Công ty TNHH P2 cấp bảo hộ lao động: mũ bảo hộ, áo phản quang, dây đeo an toàn...

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18 tháng 10 năm 2023, các anh Trịnh Văn D, Siêu Văn T5, Siêu Văn N2, Siêu Văn T6 và Siêu Văn H6 đứng trên mái tum tầng 3 nhà xưởng B của Công ty TNHH D2 (mái tum cao cách đất 11,4m), tháo dỡ cốt pha phân be mái, chuyển gần đến vị trí anh Đỗ Văn T đứng ở sát mép mái tum tầng 3 để anh T ném xuống dưới đất. Khi anh T bề ném thanh sắt thứ 5, thì anh D nhìn thấy phần đầu thanh sắt mắc vào áo lưới phản quang, làm anh T mất thăng bằng, ngã xuống dưới đất bị thương tích, bất tỉnh. Anh D cùng mọi người đưa anh T đến bệnh viện Đ để cấp cứu, nhưng anh T đã tử vong ngoại viện.

Biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q lập ngày 28/10/2023, xác định: Mái tum tầng 3 nhà xưởng B của Công ty TNHH D2 diện tích (12,35 x 3,7)m, cao cách đất 11,4m, xung quanh mái tum có bờ bê tông (0,2 x 0,12)m. Trên mặt sàn mái tum có nhiều tấm cốt pha gỗ ép kích thước khác nhau, tấm có kích thước to nhất (2,4x0,25x0,017)m và các đoạn ống kim loại hình vuông kích thước (0,05 x 0,05)m có độ dài, ngắn khác nhau, đoạn dài nhất 3m. Tại khu vực dưới nền đất sát phía Đông nhà xưởng B (tương ứng dưới mái tum tầng 3 nhà xưởng B) có đóng cốt pha gỗ ép, ống hộp kim loại trong diện (10,5 x 4,8)m, trên các tấm gỗ ép cốt pha có đóng nhiều đinh sắt. Phát hiện vị trí trên đóng cốt pha, ống kim loại (cách tường góc phía Đông nhà xưởng B: 3,15m, cách góc phía Đông- Bắc nhà xưởng B: 8,8m), có các dấu vết màu nâu đỏ bám dính trên tấm cốt pha, ống kim loại và nền đất phía dưới trong diện (0,6 x 0,25)m.

Tại bản Kết luận giám định tử thi số 1593 ngày 06/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q xác định anh Đỗ Văn T có các dấu vết thương tích chính sau: Rách da vùng cằm trái kích thước (5x1)cm hướng từ dưới lên trên, bờ mép

tương đối gọn, đầy có cầu tổ chức, không có dị vật. Xước da giữa cột sống ngực ngang cột sống ngực số II kích thước (4x0,5)cm, hướng từ phải sang trái, từ sau ra trước. Bầm tím, tụ máu quanh cột sống thắt lưng 1-2-3 trong diện (14x6)cm. Chọc dò khoang màng phổi 2 bên có nhiều máu không đông; chọc dò ổ bụng có nhiều máu không đông. Tụ máu dưới da vùng cằm, xương hộp sọ không phát hiện vỡ lún. Kết luận nguyên nhân chết của anh Đỗ Văn T do sốc đa chấn thương.

Tại bản Kết luận giám định AND số HT651.23/PY-XNSH ngày 27/10/2023 của V kết luận: Dấu vết trên 03 đầu tẩm bông thấm chất màu nâu đỏ thu tại hiện trường gửi giám định là máu người, có AND nhiễm sắc thể thường trùng khớp với AND nhiễm sắc thể thường từ mẫu máu tử thi anh Đỗ Văn T. Dấu vết trên 01 chiếc áo bảo hộ lao động, dạng áo lưới, kiểu ghi lê màu vàng cam (thu giữ khi khám tử thi anh Đỗ Văn T) gửi giám định có sinh phẩm của người; có AND nhiễm sắc thể thường trùng khớp với AND nhiễm sắc thể thường từ mẫu máu tử thi anh Đỗ Văn T.

Tại bản Kết luận giám định độc chất số 619 ngày 25/10/2023 của V1 và Bản kết luận số 350 ngày 23/10/2023 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Q kết luận: không tìm thấy E, chất ma túy trong mẫu máu ghi thu của anh Đỗ Văn T.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn D khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, D khai là người lao động tự do, được Công ty TNHH P2 ký hợp đồng, thuê giao khoán nhân công gia công lắp dựng ván khuôn cốt pha tất cả các hạng mục công trình xây dựng nhà máy sản xuất của Công ty TNHH D2, địa chỉ tại Cụm C - C, với đơn giá là 85.000 đồng/1m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng, thì D (bên B) phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về trật tự, an toàn của toàn bộ công nhân trong đội của mình trong quá trình thi công; nếu để xảy ra mất an toàn thì D (bên B) phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm dân sự, hình sự.

Do quen biết từ trước, nên D chủ động gọi, thuê (chỉ bằng miệng, không bằng văn bản) các anh Đỗ Văn T, Siêu Văn T5, Siêu Văn N2, Siêu Văn T6, Siêu Văn H6 và các công nhân khác đến làm việc, với mức tiền công 300.000đ - 350.000 đ/1 ngày tùy theo khả năng làm việc của mỗi người. D là người trực tiếp

quản lý, phân công công việc, chịu trách nhiệm về phổ biến, hướng dẫn quy trình, nội quy quy định về an toàn lao động, trực tiếp trả lương cho công nhân. Ngày 18/10/2023, D bố trí phân công các anh Đỗ Văn T, Siêu Văn T5, Siêu Văn N2, Siêu Văn T6, Siêu Văn H7 tháo dỡ cốt pha từ mái tum tầng 3 nhà xưởng B của Công ty TNHH D2. D không thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trước khi thi công, như: không tiến hành lắp lưới, lan can an toàn, không bố trí các điểm để treo (buộc) dây đai an toàn cùng với dây cứu sinh cho người lao động; thấy anh Đỗ Văn T không đeo dây an toàn, nhưng không nhắc nhở, không yêu cầu anh T dừng lại, mà vẫn để anh T tiếp tục công việc, cầm những thanh gỗ, thanh sắt cốt pha ném từ trên mái tum nhà xưởng xuống đất; trong quá trình làm việc, phần đầu của thanh sắt cốt pha mắc vào áo lưới phản quang, làm anh T mất thăng bằng, ngã xuống dưới đất bị thương tích dẫn đến tử vong.

Sau khi xảy ra sự việc, Trịnh Văn D đã bồi thường cho gia đình bị hại Đỗ Văn T 250.000.000 đồng; Gia đình anh Đỗ Văn T không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm, có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Trịnh Văn D.

Trong quá trình điều tra, đại diện của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và các tình tiết có liên quan quan, phù hợp với nội dung vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 2109/CT-VKSQN-P2 ngày 03/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Trịnh Văn D về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Văn D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát công bố. Bị cáo thừa nhận bị truy tố và xét xử về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và không bị oan.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại là chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện: do bị cáo Trịnh Văn D đã bồi thường cho gia đình chị số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), nên gia đình không yêu cầu bồi

thường thêm. Về hình phạt đối với bị cáo chị L đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt và vắng mặt tại phiên tòa có quan điểm như sau: tất cả đều giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và không có ý kiến gì khác, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố; Viện kiểm sát luận tội, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị với Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Trịnh Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn D từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì tới quá trình xét xử vì họ đã có lời khai trong quá trình điều tra và không có ý kiến gì thêm, nên căn cứ Điều 292; 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa bị cáo Trịnh Văn D thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/10/2023, trong quá trình thi công tháo dỡ cốt pha mái tum tầng 3 nhà xưởng B của Công ty TNHH D2 tại Cụm C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Trịnh Văn D là người trực tiếp chỉ đạo thi công đã không thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn khi thi công (không lắp đặt lưới, lan can an toàn, không bố trí điểm treo, buộc dây đai an toàn cho người lao động), thấy anh Đỗ Văn T là công nhân làm việc trong điều kiện không đảm bảo an toàn (không đeo dây đai an toàn) nhưng không nhắc nhở, không yêu cầu dừng lại vẫn cho anh T tiếp tục làm việc. Do làm việc trong điều kiện không đảm bảo an toàn, nên khi anh T ném thanh cốt pha bằng sắt xuống dưới đất, phần đầu thanh sắt mắc vào áo lưới phản quang, làm anh T mất thăng bằng, ngã xuống dưới đất tử vong do đa chấn thương.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người”, như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh viện dẫn điều luật để truy tố bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình để nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người chịu trách nhiệm quản lý, phân công công việc, chịu trách nhiệm về phổ biến, hướng dẫn quy trình, nội quy quy định về an toàn lao động, trực tiếp trả lương cho công nhân mà mình đã thuê. Tuy nhiên trong quá trình lao động, sản xuất, bị cáo không tuân thủ các quy định về an toàn lao động, nên đã gây tai nạn lao động làm cho anh Đỗ Văn T tử vong. Hành vi đó không những xâm phạm đến tính mạng của bị hại mà ảnh hưởng trực tiếp trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cần xử lý bị cáo theo pháp luật hình sự là cần thiết, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường cho gia đình bị hại, được đại diện gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự; tại đơn xin xét xử vắng mặt : đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng, nên không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo có cơ hội được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để đảm bảo giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho gia đình và là người có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong, đại diện gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[6] Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có điều kiện gia đình khó khăn, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Các vấn đề khác: Đối với Công ty cổ phần X; Công ty cổ phần T8 và Công ty TNHH P2 thiếu sâu sát trong quá trình kiểm tra, giám sát hiện trường thi công, không dự báo được các nguy cơ gây mất an toàn lao động và kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm của người lao động để có biện pháp ngăn ngừa, xử lý kịp thời. Viện kiểm sát đã có kiến nghị những Công ty này chấn chỉnh, khắc phục vi phạm.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Tuyên bố: bị cáo Trịnh Văn D phạm tội: “Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trịnh Văn D 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Văn D cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Trịnh Văn D phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo này.

[2] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Cơ quan điều tra CA tỉnh QN;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh QN;
- Cục THADS tỉnh QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; bị hại; người có ql, nv liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Tuấn**